

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 74/TTr-STC ngày 28 tháng 5 năm 2026 và ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 5 năm 2026.

2. Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được tiếp tục áp dụng tại số thứ tự 63 Phụ lục kèm theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Giám đốc: Công an tỉnh, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ và các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã,

phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3; 
- Văn Phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Ngoại giao, Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng, ban, đơn vị;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH._{PTNT}.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sâm

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Ban hành kèm theo Quyết định số 83 /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

2. Những nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi tắt là viện trợ) thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Quy chế này.

2. Bên cung cấp viện trợ trong Quy chế này là các tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Bên tiếp nhận viện trợ trong Quy chế này là các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thống nhất quản lý nhà nước về sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh trên cơ sở công khai, minh bạch, phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời đảm bảo an ninh chính trị của tỉnh, của đất nước và chủ quyền quốc gia.

2. Việc quản lý và sử dụng viện trợ tuân thủ theo nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ

Điều 4. Lập, thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ

1. Lập hồ sơ khoản viện trợ

Bên tiếp nhận viện trợ, chủ khoản viện trợ phối hợp với bên cung cấp viện trợ xây dựng hồ sơ khoản viện trợ theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 8 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Thẩm định khoản viện trợ

a) Sở Tài chính là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan thẩm định đối với khoản viện trợ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Đối với các khoản viện trợ khác không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính làm cơ quan đầu mối, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia ý kiến khi có yêu cầu của người đứng đầu cơ quan chủ quản.

b) Trình tự, thủ tục, nội dung, thời gian thẩm định theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Phê duyệt khoản viện trợ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt văn kiện khoản viện trợ trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Sở Tài chính. Nội dung quyết định phê duyệt theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Quản lý thực hiện viện trợ

1. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện dự án, năng lực tổ chức quản lý dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các hình thức tổ chức quản lý dự án theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Chủ khoản viện trợ phải được xác định trong quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ; trên cơ sở quyết định phê duyệt khoản viện trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ khoản viện trợ tổ chức bộ máy quản lý dự án và thực hiện quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Trường hợp thành lập Ban Quản lý dự án thì Ban Quản lý dự án đại diện cho chủ khoản viện trợ và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong khuôn khổ dự án theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung khoản viện trợ thì thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 16 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

5. Sau khi kết thúc khoản viện trợ, chủ khoản viện trợ tổ chức đánh giá, tiến hành các thủ tục nghiệm thu, bàn giao kết quả đạt được cho đối tượng thụ

hưởng để khai thác sử dụng và gửi báo cáo kết thúc dự án đến Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ) để theo dõi, tổng hợp.

Điều 6. Quản lý tài chính viện trợ

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ và mở tài khoản thanh toán cho dự án sử dụng vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 20 và Điều 21 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 6, Nghị định số 313/2025/NĐ-CP

3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

4. Giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền:

a) Đối với vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định từ khoản 1 đến khoản 6 tại Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Đối với vốn viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại khoản 7, Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện khoản viện trợ áp dụng theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

6. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa, thuế đối với các khoản viện trợ, kiểm toán các khoản viện trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 26 và Điều 27 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan trên địa bàn tỉnh

1. Sở Tài chính

a) Là cơ quan đầu mối về quản lý và sử dụng các khoản viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

b) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn bên tiếp nhận lập hồ sơ khoản viện trợ; thẩm định hồ sơ khoản viện trợ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt văn kiện các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách Nhà nước hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ

không hoàn lại đã cam kết với bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định có liên quan.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh và các ngành liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình tiếp nhận và thực hiện các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh.

đ) Tổng hợp đánh giá tình hình viện trợ, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương về tình hình quản lý và sử dụng viện trợ theo quy định.

2. Sở Ngoại vụ

a) Trên cơ sở các lĩnh vực, mục tiêu, chương trình, hoạt động tài trợ của Bên cung cấp viện trợ và nhu cầu, mục tiêu, định hướng, chiến lược vận động viện trợ nước ngoài của tỉnh, Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan trong công tác vận động, kêu gọi và tranh thủ các nguồn viện trợ của Bên cung cấp viện trợ.

b) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ khoản viện trợ; thẩm định tư cách pháp nhân của Bên cung cấp viện trợ là các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, phối hợp thẩm định năng lực của Bên cung cấp viện trợ và các nhà tài trợ khác theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan liên quan hướng dẫn, hỗ trợ Bên tiếp nhận viện trợ tổ chức xây dựng, đàm phán, ký kết với Bên cung cấp viện trợ về văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ; văn kiện dự án đầu tư sử dụng viện trợ; văn kiện phi dự án sử dụng viện trợ.

3. Công an tỉnh

a) Phối hợp với Sở Tài chính, cơ quan liên quan thẩm định về an ninh, trật tự đối với hồ sơ khoản viện trợ trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Phối hợp với Sở Tài chính quản lý, hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ theo đúng các quy định của pháp luật; phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh trật tự về lĩnh vực viện trợ; tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan đến tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

4. Các sở, ban, ngành, tổ chức hội, đoàn thể tỉnh và cơ quan liên quan trên địa bàn tỉnh phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn tiếp nhận, thẩm định các khoản viện trợ và kiểm tra thực hiện khi có đề nghị của Sở Tài chính.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn tiếp nhận, thẩm định các khoản viện trợ và kiểm tra thực hiện khi có đề nghị của Sở Tài chính.

b) Chủ động sử dụng một phần vốn ngân sách địa phương để đối ứng cho khoản viện trợ theo yêu cầu cụ thể của khoản viện trợ.

Điều 8. Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ

1. Chế độ báo cáo về tình hình giải ngân, quản lý và sử dụng viện trợ

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo định kỳ 06 tháng, hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ, ngành Trung ương về tình hình tiếp nhận, giải ngân, quản lý và sử dụng viện trợ hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

b) Bên tiếp nhận viện trợ, chủ khoản viện trợ báo cáo về tình hình thực hiện, giải ngân, quản lý, sử dụng viện trợ theo định kỳ 06 tháng, hằng năm và đột xuất, gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo theo quy định.

2. Chế độ báo cáo về kết quả vận động viện trợ; tình hình thực hiện, giám sát, đánh giá các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý

a) Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo tổng hợp kết quả vận động viện trợ, công tác quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa phương theo định kỳ 6 tháng, hằng năm và đột xuất

b) Bên tiếp nhận viện trợ, chủ khoản viện trợ báo cáo về kết quả vận động viện trợ từ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức và cá nhân nước ngoài khác theo định kỳ 6 tháng, hằng năm và đột xuất.

3. Kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện giám sát, đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện khoản viện trợ theo quy định tại Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn thực hiện.

b) Công an tỉnh tổ chức giám sát về an ninh, trật tự việc thực hiện hoạt động viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh ngay từ bước đầu triển khai khoản viện trợ; phối hợp kiểm tra, đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ hằng năm; chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý theo thẩm quyền với các hoạt động xâm phạm đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội của các tổ chức, cá nhân trong quá trình quản lý và sử dụng các khoản viện trợ.

c) Sở Ngoại vụ phối hợp với các ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các khoản viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo cam kết viện trợ và theo đúng hoạt động đã đăng ký của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra giám sát đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ hằng năm theo quy định; xử lý hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý những vấn đề có liên quan theo thẩm quyền.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành, tổ chức hội, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Quy chế này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản đã thay thế, sửa đổi, bổ sung đó.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế, các cơ quan, tổ chức phản ánh bằng văn bản, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.